

Số: 72/KH-SGDDĐT

Bắc Giang, ngày 29 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Bắc Giang
giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết 111); căn cứ Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Kế hoạch 324), Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 111 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các nhiệm vụ của ngành Giáo dục tỉnh Bắc Giang tại Kế hoạch 324 của UBND tỉnh gắn với thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, đề án, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số của ngành.

Cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ từ năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo phù hợp với tình hình thực tế của ngành, địa phương, mỗi cơ sở giáo dục và đồng bộ với Kế hoạch chuyển đổi số của toàn tỉnh; từng bước hình thành nền tảng số cho xã hội học tập, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng tốt với chi phí thấp nhất cho mọi người dân.

Cùng với các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từng bước hoàn thiện nền tảng chuyển đổi số của ngành, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chuyển đổi số của toàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Xây dựng hạ tầng số cho ngành Giáo dục tỉnh theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả dựa trên nền tảng hệ thống các phần mềm hỗ trợ quản lý, điều hành, phần mềm quản lý nhà trường đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành và các hạ tầng thông tin dùng chung khác để tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới (phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học...).

Đến năm 2025, 100% các trường học, cơ sở giáo dục số hóa tài liệu, giáo trình; 100% học sinh, sinh viên các cấp tại tỉnh được tiếp cận Internet và kho học

liệu trực tuyến; xây dựng cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) và hệ thống học trực tuyến tại các trường học.

Đến 2030, cơ bản thực hiện chuyển đổi số một cách toàn diện ngành Giáo dục tỉnh Bắc Giang, phấn đấu đưa ngành Giáo dục Bắc Giang nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

3. Các chỉ tiêu cơ bản

3.1. Giai đoạn 2021-2025

3.1.1. Đổi mới mạnh mẽ phương thức dạy và học, đưa tương tác, trải nghiệm trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày với mỗi người học và mỗi nhà giáo, nâng cao năng lực tự học của người học

a) Các hoạt động tương tác, trải nghiệm trực tuyến hỗ trợ hiệu quả cho giáo dục nhà trường đạt tỉ lệ 10% thời lượng đối với giáo dục tiểu học, 20% đối với giáo dục trung học.

b) Hình thành các kho học liệu chia sẻ, trực tuyến được chọn lọc một cách phù hợp tới từng cơ sở giáo dục, đáp ứng 50% nhu cầu về tài liệu học tập của người học ở tất cả bậc học; đáp ứng 50% nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

c) Triển khai có hiệu quả các nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm quốc gia, được Bộ GD&ĐT, Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, cho phép.

3.1.2. Đổi mới căn bản phương thức quản lý nhà nước về giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu quả và minh bạch, với dữ liệu và công nghệ số là nền tảng và công cụ quản trị chủ yếu

a) 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó mỗi người học, mỗi nhà giáo và mỗi hoạt động giáo dục được quản lý bằng một hồ sơ số, định danh thống nhất toàn quốc.

b) Hệ thống thông tin điều hành, quản lý giáo dục toàn ngành được kết nối thông suốt với mọi cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục, chia sẻ dữ liệu thông suốt với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

c) Hệ thống quản lý nhà nước về giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu; 70% các hoạt động nghiệp vụ được thực hiện trên môi trường số, 70% hồ sơ giấy được cắt giảm (trừ hồ sơ công việc thuộc diện bí mật nhà nước).

3.1.3. Đổi mới căn bản phương thức, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của các cơ quan quản lý giáo dục, chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học của các cơ sở giáo dục

a) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện áp dụng hình thức trực tuyến được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

b) Tỉ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ, được kết nối và xử lý liên thông với các phần mềm nghiệp vụ đạt tối thiểu 70%.

c) Tối thiểu 90% tổ chức và cá nhân hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số của các cơ quan quản lý nhà nước.

d) Tối thiểu 90% người học hài lòng về chất lượng dịch vụ hỗ trợ trên môi trường số của các cơ sở giáo dục.

3.2. Tâm nhìn đến năm 2030

3.2.1. Đổi mới căn bản phương thức dạy và học

a) Các hoạt động tương tác, trải nghiệm trực tuyến hỗ trợ hiệu quả cho giáo dục nhà trường đạt tỉ lệ 20% thời lượng đối với giáo dục tiểu học, 30% đối với giáo dục trung học và giáo dục thường xuyên.

b) Phát triển các kho học liệu mở, trực tuyến đáp ứng 80% nhu cầu về tài liệu học tập của người học ở tất cả bậc học; các khóa học trực tuyến đáp ứng 80% nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

c) Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm quốc gia, được Bộ GD&ĐT, Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, cho phép.

3.2.2. Đổi mới căn bản, đồng bộ hệ thống quản lý giáo dục

a) 100% cơ sở giáo dục áp dụng có hiệu quả cao hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.

b) Hệ thống thông tin điều hành, quản lý giáo dục toàn ngành được kết nối trực tuyến với mọi cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục, chia sẻ dữ liệu trực tuyến với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

c) Hệ thống quản lý nhà nước về giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu; 90% các hoạt động nghiệp vụ được thực hiện trên môi trường số, 90% hồ sơ giấy được cắt giảm.

d) Tỉ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ, được kết nối và xử lý liên thông với các phần mềm nghiệp vụ đạt tối thiểu 90%.

4. Yêu cầu

Áp dụng hiệu quả các giải pháp CNTT tiên tiến, an toàn, phù hợp thực tiễn để tạo sự đột phá, rút ngắn thời gian chuyển đổi số.

Lấy người học và người dân làm trung tâm quá trình chuyển đổi số; lợi ích của người học, người dân làm thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi số trong ngành.

Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số của thành công để xây dựng “cơ quan số” tại đơn vị, địa phương, toàn ngành Giáo dục; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của đơn vị, và toàn ngành.

Trong chỉ đạo, điều hành, mỗi cán bộ quản lý, cấp quản lý phải chuyển đổi nhận thức, xuất phát từ người đứng đầu phương châm **“4 không, 1 có”**, cụ thể: Làm việc *không* giấy tờ, hội họp *không* tập trung; dịch vụ công *không* gặp mặt; thanh toán *không* dùng tiền mặt và có số hóa thông tin, dữ liệu.

Xác định chuyển đổi số là cơ hội để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (Khóa XI).

Mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành Giáo dục không ngừng nỗ lực, chủ động cập nhật bổ sung kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc phù hợp với yêu cầu, định hướng về chuyển đổi số.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các nhiệm vụ trọng tâm xây dựng nền tảng chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức

Triển khai học tập, quán triệt các nội dung của Nghị quyết 111, Kế hoạch 324 và Kế hoạch này tới toàn thể cán bộ, công chức viên chức và người lao động trong toàn ngành với hình thức phù hợp.

Xuất phát từ nhận thức của người đứng đầu về chuyển đổi số, tạo sức lan tỏa, đồng tình ủng hộ của mỗi cá nhân trong đơn vị cũng như tổ chức, cá nhân ngoài đơn vị thông qua vai trò, lợi ích của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đem lại.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, huy động sự tham gia một cách chủ động và tích cực của phụ huynh, tổ chức, công dân và doanh nghiệp cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

Từng bước hoàn thiện các văn bản, quy định về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng trên phạm vi toàn ngành dựa trên quy định của pháp luật.

Thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi đua đổi mới, sáng tạo, mạnh danh áp dụng thử nghiệm các công nghệ số trong giáo dục; tăng cường hợp tác, kết nối các hiệp hội, doanh nghiệp CNTT về giáo dục để phát triển các sản phẩm, ứng dụng, nền tảng giáo dục số phù hợp với điều kiện của tỉnh, tạo dựng nền tảng giáo dục số “made in Việt Nam” của tỉnh Bắc Giang.

Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến (báo, tạp chí điện tử, phát thanh - truyền hình, mạng xã hội...) để hỗ trợ phụ huynh, học sinh, cộng đồng khi sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến.

Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong chuyển đổi số ngành Giáo dục.

1.2. Xây dựng văn bản, hướng dẫn để chuyển đổi số

Tăng cường văn bản hướng dẫn thí điểm một số giải pháp CNTT và truyền thông hỗ trợ hoạt động chuyển đổi số tại một số cấp học, bậc học và toàn ngành.

Rà soát, bổ sung các văn bản hướng dẫn, quy định chung áp dụng trong phạm vi ngành Giáo dục tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, như: Hướng dẫn thử nghiệm các sản phẩm giáo dục số mới; phát triển các nền tảng số trong giáo dục; thuê dịch vụ cho các sản phẩm dịch vụ giáo dục số; định mức chi trả cho các dịch vụ CNTT trong các cơ sở giáo dục; các quy định về quản lý, thu thập dữ liệu giáo dục; các quy chuẩn, quy định về kết nối, liên thông dữ liệu giữa các phần mềm trong ngành Giáo dục; hướng dẫn thực

hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT hàng năm; hướng dẫn về xác thực điện tử trong ngành Giáo dục...

1.3. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu ngành

Tiếp tục duy trì, phát triển hệ thống CSDL ngành tích hợp, đồng bộ với các hệ thống phần mềm quản lý nhà trường.

Phát triển, hoàn thiện CSDL về giáo dục, ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu chuyên ngành.

Phát triển nền tảng tích hợp CSDL quốc gia về GD&ĐT các hệ thống CSDL khác của tỉnh, Bộ GD&ĐT.

Từng bước xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu mở về giáo dục, thu thập dữ liệu kết hợp với dữ liệu chia sẻ từ các hệ thống CSDL khác hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở trong ngành GD&ĐT và mạng thông tin giáo dục quốc gia, cũng như của tỉnh.

1.4. Xây dựng nền tảng số

Xây dựng, triển khai nền tảng tích hợp cơ sở dữ liệu giáo dục toàn ngành, bảo đảm khả năng đồng bộ với các nền tảng chuyển đổi số của tỉnh, bảo đảm các yêu cầu về xác thực, bảo mật và an toàn thông tin.

Tiếp tục triển khai hệ thống chữ ký số, chứng thư số trong phạm vi toàn ngành phục vụ việc xác thực dữ liệu và số hóa, phù hợp với nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA).

Chủ động áp dụng các giải pháp phù hợp với nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia tạo điều kiện cho việc trao đổi tài nguyên học tập, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng số trực tuyến trên quy mô mỗi cơ sở giáo dục, mỗi địa phương và toàn ngành Giáo dục tỉnh.

Lựa chọn các nền tảng siêu ứng dụng di động, có khả năng đồng bộ với các hệ thống thông tin của ngành để cung cấp các dịch vụ giáo dục, hướng tới mạng xã hội dịch vụ giáo dục.

1.5. Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chuyển đổi nhận thức và hành động nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Tham mưu xây dựng, đầu tư, triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển Chính phủ điện tử, ngành Giáo dục điện tử.

Mỗi cơ sở giáo dục định kỳ đánh giá các nguy cơ về mất an toàn, an ninh mạng để từ đó chủ động đề xuất, triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin cũng như hạ tầng kỹ thuật thông tin của đơn vị.

Áp dụng đồng bộ hệ thống xác thực chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ.

1.6. Phát triển nguồn nhân lực

Triển khai hợp tác, đào tạo cán bộ chuyển đổi số về các công nghệ số áp dụng trong GD&ĐT gồm các tiêu chuẩn CNTT giáo dục, các công nghệ số về dữ liệu lớn, di động... làm nòng cốt trong chuyển đổi số giáo dục.

Triển khai các chương trình đào tạo ngắn hạn, đào tạo lại về việc chỉ đạo triển khai chuyển đổi số trong giáo dục cho các đồng chí Lãnh đạo các đơn vị thuộc Sở GD&ĐT.

Tranh thủ các hợp tác với các doanh nghiệp CNTT và viễn thông lớn, có uy tín để phối hợp triển khai các hội thảo, hội nghị bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong toàn ngành Giáo dục.

2. Triển khai các hệ thống thông tin cốt lõi phục vụ chuyển đổi số

2.1. Đối với Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT

Triển khai Cổng dịch vụ công (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4.

Rà soát, cắt giảm và đơn giản các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số, mở rộng các dịch vụ hỗ trợ, phục vụ tốt nhất người học, người dân và các tổ chức.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động; Thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tại tất cả cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý; hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn toàn ngành Giáo dục tại Bộ GD&ĐT.

Triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục toàn ngành, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng GD&ĐT, sở GD&ĐT đến cơ quan Bộ GD&ĐT, kết nối dữ liệu giữa ngành GD&ĐT với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của địa phương, phục vụ công tác: báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành Giáo dục; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành Giáo dục.

2.2. Đối với các cơ sở giáo dục

Triển khai nền tảng quản trị tới 100% cơ sở GD&ĐT (số hóa các quy trình: quản lý thông tin người học, quản lý thông tin đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, quản trị văn phòng điện tử, quản lý các hoạt động GD&ĐT khác) đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở GD&ĐT với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành Giáo dục.

Trên cơ sở nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông,... và kết nối với các nền tảng khác trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số (trường học thông minh) đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

Phát triển mạng IoT phục vụ số hóa các nguồn lực, đối tượng và hoạt động trong trường học, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

3. Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị đầu cuối đáp ứng dạy học môn Tin học và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục.

Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin các hệ thống số hóa. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây.

Từng bước đầu tư hệ thống phòng lab hiện đại, phòng lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế ảo tăng cường (AR), công nghệ học máy vào các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, thực hành, trải nghiệm.

4. Phát triển kinh tế số trong ngành Giáo dục

Thúc đẩy phát triển kinh tế số trong giáo dục nhằm tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý cũng như cung cấp dịch vụ của đơn vị, tăng cường trải nghiệm tiện ích cho phụ huynh, học sinh và cán bộ quản lý, giáo viên, người lao động.

Hợp tác các công ty công nghệ trong lĩnh vực giáo dục tăng cường nghiên cứu, phát triển các nền tảng chuyển đổi số trong giáo dục; tạo ra các dịch vụ số hiệu quả trong ngành. Tăng cường nghiên cứu các công nghệ số phục vụ giáo dục như dữ liệu lớn, di động, điện toán đám mây.

5. Phát triển xã hội số trong ngành Giáo dục

Xây dựng, phát triển trung tâm đánh giá tác động và hỗ trợ chuyển đổi số trong giáo dục nhằm hỗ trợ phụ huynh, học sinh, tổ chức, cá nhân và các đơn vị trong quá trình chuyển đổi số giáo dục.

Xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin học tập, thông tin giáo dục dựa trên nền tảng mạng xã hội.

Phát triển các ứng dụng giáo dục trên các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi.

6. Giải pháp Chuyển đổi số trong lĩnh GD&ĐT

Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập.

Số hóa tài liệu, giáo trình.

Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

Sử dụng các công nghệ và nền tảng số hóa nhằm nâng cao chất lượng việc dạy và học, thay đổi toàn diện công tác quản lý và điều hành ngành Giáo dục tỉnh Bắc Giang

Hình thành hệ sinh thái giáo dục thông minh tỉnh Bắc Giang với sự tham gia của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, phụ huynh và học sinh, hướng đến tích hợp với hệ sinh thái công dân điện tử của tỉnh.

100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình, ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

III. LỘ TRÌNH, PHÂN CÔNG, NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI

1. Phân công theo dõi, đơn đốc thực hiện các chỉ tiêu: Chi tiết tại Phụ lục I.

2. Danh mục các văn bản hướng dẫn về chuyển đổi số cần xây dựng: Chi tiết tại Phụ lục II.

3. Danh mục các nhiệm vụ thí điểm, đầu tư xây dựng nền tảng chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025: Chi tiết tại Phụ lục III.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở GD&ĐT

Giao Văn phòng Sở GD&ĐT làm đơn vị đầu mối theo dõi, tham mưu Lãnh đạo Sở GD&ĐT chỉ đạo, tổ chức triển khai các nội dung tại Kế hoạch này. Hàng năm, phối hợp các phòng, đơn vị liên quan, căn cứ nội dung Kế hoạch này và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh và Bộ GD&ĐT để xây dựng Kế hoạch cụ thể của ngành cho năm tiếp theo.

Các phòng thuộc Sở GD&ĐT căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các nội dung đã xác định theo Kế hoạch, hàng tháng báo cáo Lãnh đạo Sở tại Hội nghị giao ban của cơ quan để kịp thời đề xuất, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đồng thời phát hiện những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Chủ động phối hợp chặt chẽ với Văn phòng, các đơn vị liên quan để tổ chức, triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm mục tiêu, thời gian, lộ trình đã xác định.

2. Các phòng GD&ĐT và các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT

Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đã được xác định tại Kế hoạch này; theo chức năng, nhiệm vụ, đề xuất UBND huyện xây dựng hoặc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số của địa phương, của đơn vị, bảo đảm đồng bộ với Kế hoạch của ngành. Chủ động lựa chọn các giải pháp triển khai, tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn, phát huy tính chủ động, sáng tạo; phối hợp chặt chẽ với bộ phận tham mưu của Sở để kịp thời tham mưu, đề xuất các giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Hàng năm phải chủ động đề xuất nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số của ngành, đơn vị; chủ động đề xuất, triển khai các chương trình cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị; bảo đảm bố trí tối thiểu 2% nguồn lực đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số tại mỗi đơn vị.

3. Chế độ thông tin báo cáo

Trưởng các phòng thuộc Sở GD&ĐT định kỳ báo cáo tại cuộc họp giao ban hàng tháng và khi có yêu cầu của Lãnh đạo Sở GD&ĐT.

Trưởng phòng GD&ĐT các huyện, thành phố, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT chịu trách nhiệm báo cáo các nội dung có liên quan theo Kế hoạch này trước ngày 20/12 hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Trong quá trình thực hiện, mọi khó khăn, vướng mắc, các đơn vị trao đổi về Sở GD&ĐT (qua Văn phòng) để phối hợp, tháo gỡ./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Thông tin và Truyền thông (để phối hợp);
- UBND các huyện, thành phố (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT, Lãnh đạo CĐN;
- Các phòng thuộc Sở GD&ĐT;
- Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT;
- Công TTĐT Sở GD&ĐT.
- Lưu: VT, VP.

} (để thực hiện)

GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Nam

Phụ lục I
PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU
(Kèm theo Kế hoạch số: 72/KH-SGDDT ngày 29/9/2021 của Sở GD&ĐT)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chủ trì	Phối hợp
I	Đến năm 2025		
1	Trên 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 85% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 65% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc bí mật nhà nước)	Văn phòng Sở GD&ĐT (<i>đối với cấp tỉnh</i>); Phòng GD&ĐT (<i>đối với cấp huyện</i>)	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT; Các cơ sở giáo dục
2	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Văn phòng Sở GD&ĐT	Các phòng, đơn vị có liên quan
3	Rà soát, đồng bộ CSDL ngành Giáo dục để đồng bộ với các hệ thống thông tin của tỉnh, tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT, đơn vị liên quan
4	Trên 60% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Thanh tra Sở	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT
5	Duy trì chỉ số đánh giá mức độ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của Sở trong nhóm các cơ quan dẫn đầu theo đánh giá hàng năm của UBND tỉnh	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chủ trì	Phối hợp
II	Đến năm 2030		
1	Nâng cấp hệ thống CSDL ngành trở thành một trong những nền tảng cơ sở dữ liệu cốt lõi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở, phòng GD&ĐT các huyện, thành phố, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh
2	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và trên 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc bí mật nhà nước)	Văn phòng Sở GD&ĐT (đối với cấp tỉnh); Phòng GD&ĐT (đối với cấp huyện)	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT; Các cơ sở giáo dục
3	Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Thanh tra Sở	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CẦN XÂY DỰNG
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SGDĐT ngày /9/2021 của Sở GD&ĐT)

TT	Nội dung	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm
1	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Quý III năm 2021	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT	Kế hoạch
2	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục	Quý I năm 2022	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT; phòng GD&ĐT các huyện, thành phố	Kế hoạch
3	Xây dựng hướng dẫn về áp dụng hồ sơ, sổ sách điện tử đối với các cấp học	Năm học 2021-2022	Phòng GDTTrH&GDTX (đối với cấp trung học); Phòng GDTH (đối với cấp tiểu học); Phòng GDMN (đối với bậc mầm non)	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT; phòng GD&ĐT các huyện, thành phố; các cơ sở giáo dục	Hướng dẫn
4	Xây dựng quy trình vận hành các hệ thống thông tin của ngành nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá các rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện/cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống	Năm 2022	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT và các đơn vị có liên quan	Hướng dẫn

TT	Nội dung	Thời gian hoàn thành	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm
5	Xây dựng quy chế đánh giá bài giảng, học liệu điện tử	Năm 2022	Các phòng chuyên môn thuộc Sở GD&ĐT	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT	Quyết định
6	Cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng thủ tục hành chính các cấp	Định kỳ phát sinh TTHC mới hoặc bổ sung, sửa đổi	Văn phòng	Các phòng thuộc Sở GD&ĐT; Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố	Quyết định

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH GIÁO DỤC
(Kèm theo Kế hoạch số: _____/KH-SGDDT ngày ____/9/2021 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị: Tỷ đồng.

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kỳ thực hiện nguồn vốn NSNN					Tổng NSNN	Ghi chú
						2021	2022	2023	2024	2025		
1	Xây dựng trường học số	- Chuẩn hoá khung phân loại các cấp độ trường học số tỉnh Bắc Giang. - Triển khai CSDL ngành Giáo dục phục vụ công tác thống kê báo cáo đến 100% cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh (hơn 500 cơ sở giáo dục Tiểu học, THCS, THPT, GDTX). - Thí điểm triển khai trường học số tại 02 trường THCS & 10 trường THPT trong năm 2022 (30% số trường THPT) bao gồm các nội dung sau: + Nâng cấp cơ sở hạ tầng số cho nhà trường. + Thuê dịch vụ, mua sắm và triển khai phần mềm ứng dụng. + Đào tạo giáo viên số, học sinh số, phụ huynh số. + Hỗ trợ xây dựng lộ trình triển khai trường học số cho các cơ sở giáo dục phổ thông còn lại.	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố		8,0	2,0	2,0	2,0	14,0	
2	Xây dựng CSDL	Xây dựng CSDL Bài giảng điện tử chuẩn hoá cấp tỉnh phục vụ 20% khối lượng	Triển khai	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT		4,0	1,0	1,0	1,0	7,0	

TT	Danh mục nhiệm vụ,	Nội dung, quy mô đầu tư	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kinh phí và phân kì thực hiện nguồn vốn NSNN					Tổng NSNN	Ghi chú
	Bài giảng điện tử và cung cấp dịch vụ khóa học trực tuyến chuẩn hoá phục vụ đổi mới hoạt động dạy và học	Chương trình THPT có thể thực hiện thông qua mạng Internet đáp ứng yêu cầu của Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT. Hệ thống đào tạo tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho Giáo viên Bắc Giang qua mạng Innternet.	2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi		các huyện, thành phố							
3	Xây dựng công cụ chuyển đổi số toàn diện công tác kiểm tra đánh giá ở bậc phổ thông	Năm 2021 triển khai đồng bộ khu vực THPT và 02 trường THCS, các năm tiếp theo triển khai nhân rộng xuống khu vực THCS & Tiểu học đáp ứng thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, thông tư 09/2021/TT-BGDĐT.	Triển khai 2022, thuê hỗ trợ vận hành từ 2023 trở đi	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố		3,0	1,0	1,0	1,0	6,0	
TỔNG KINH PHÍ							15,0	4,0	4,0	4,0	27	